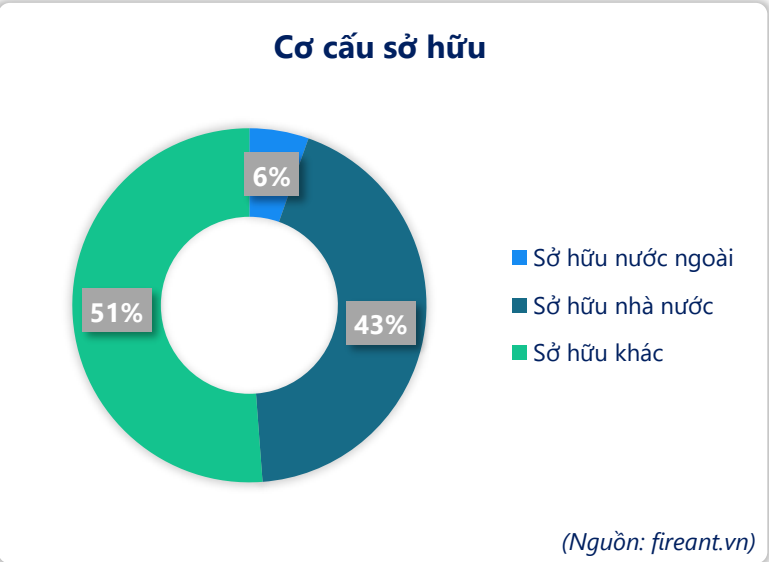
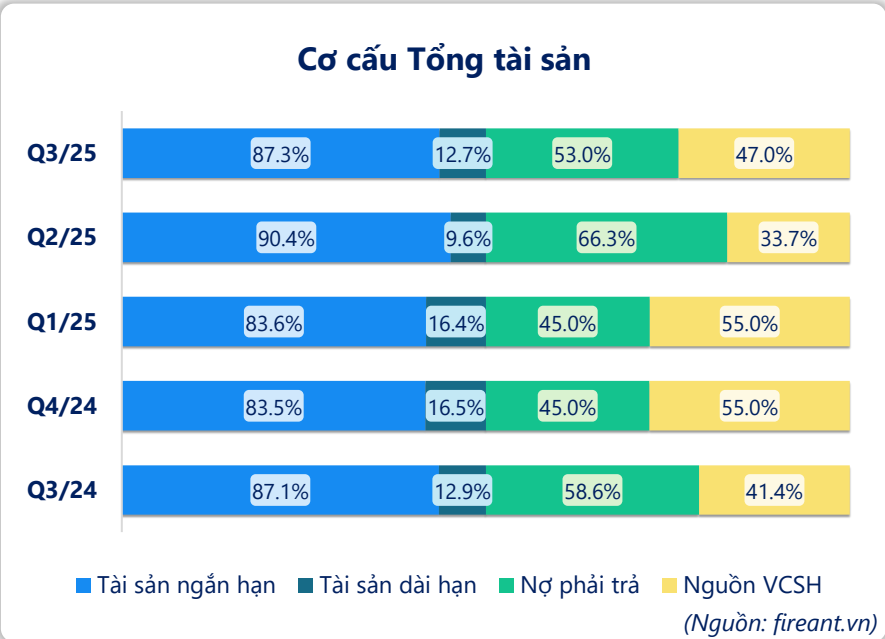
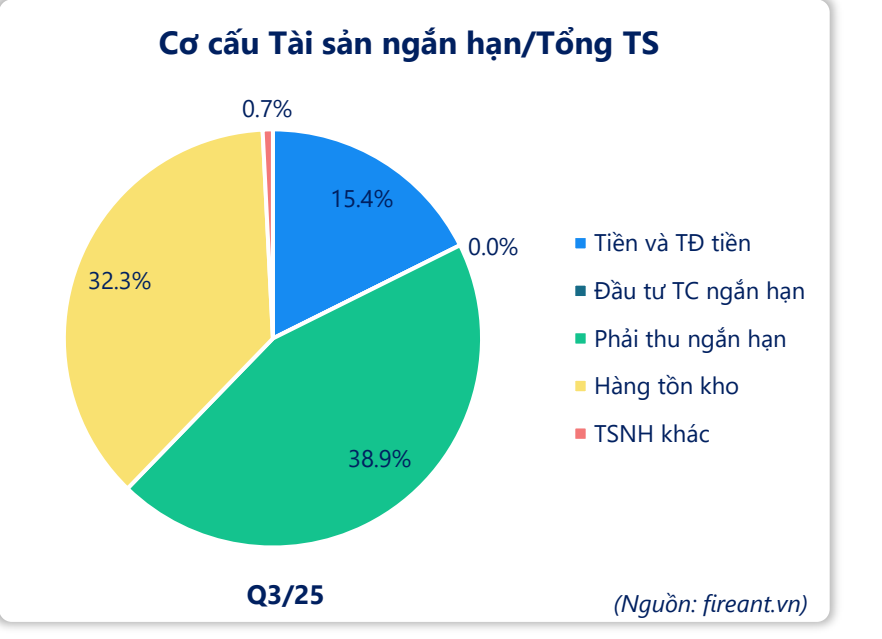
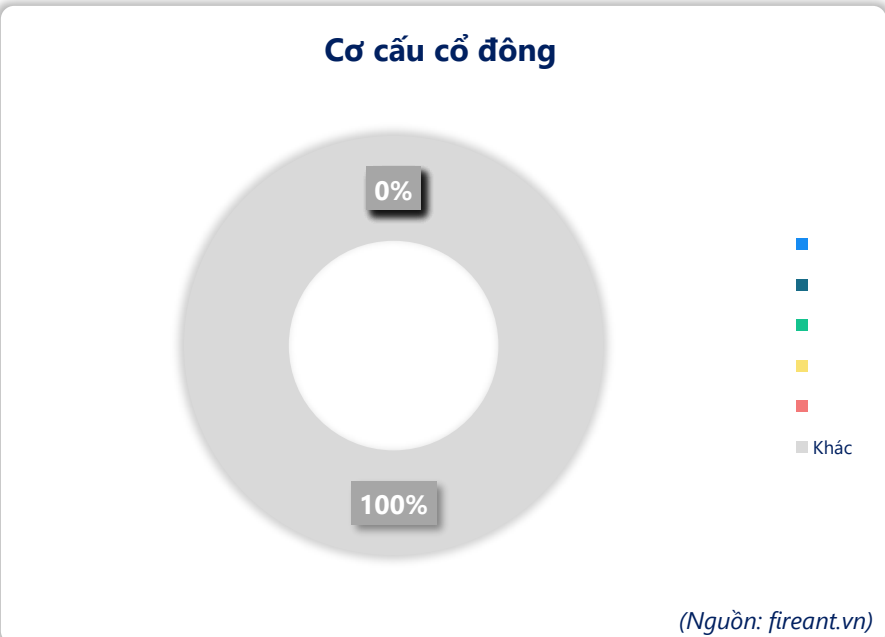
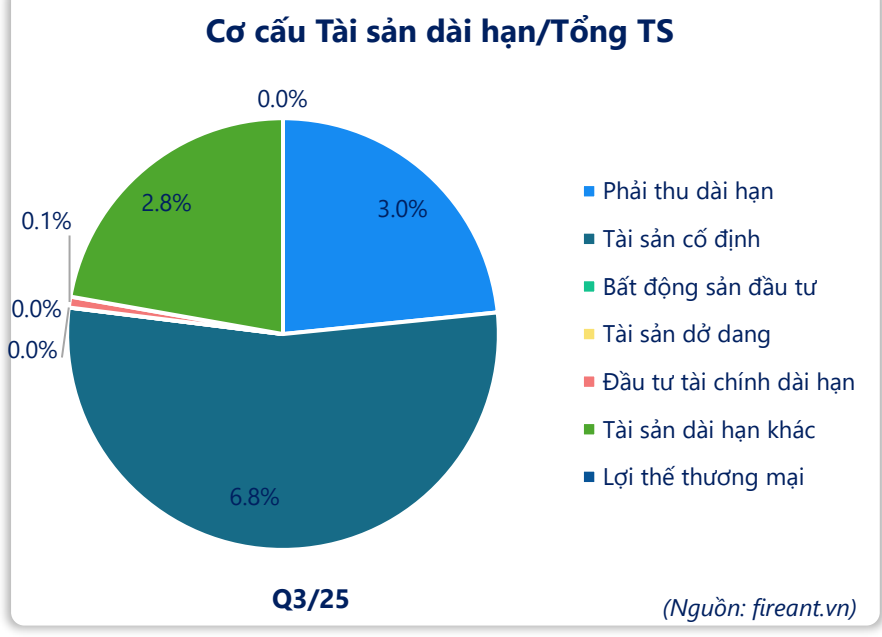
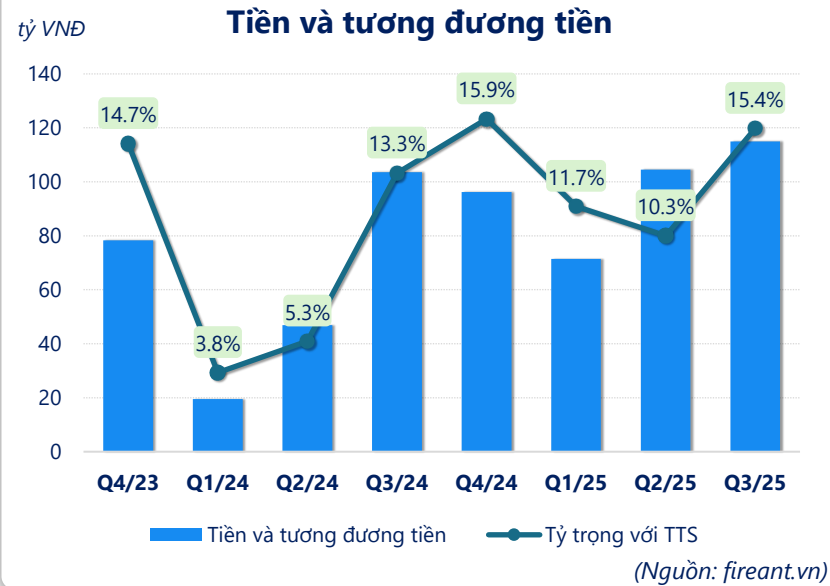
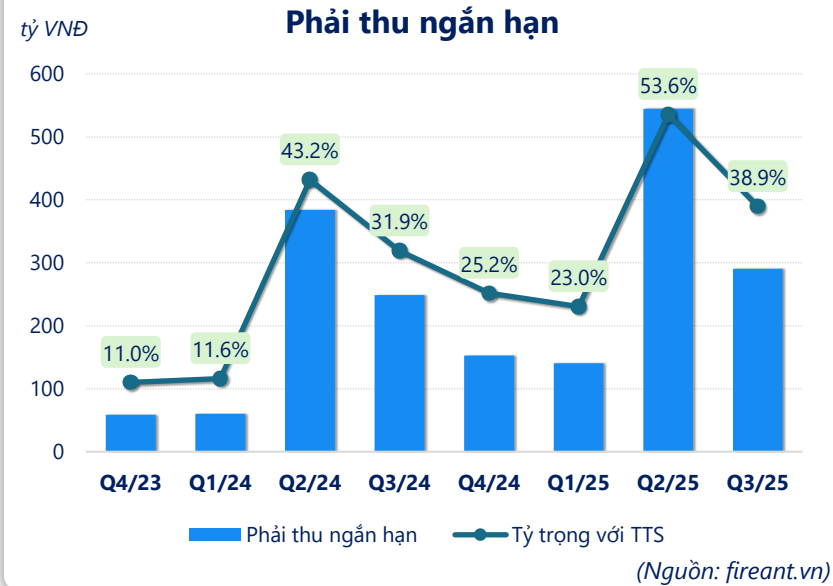
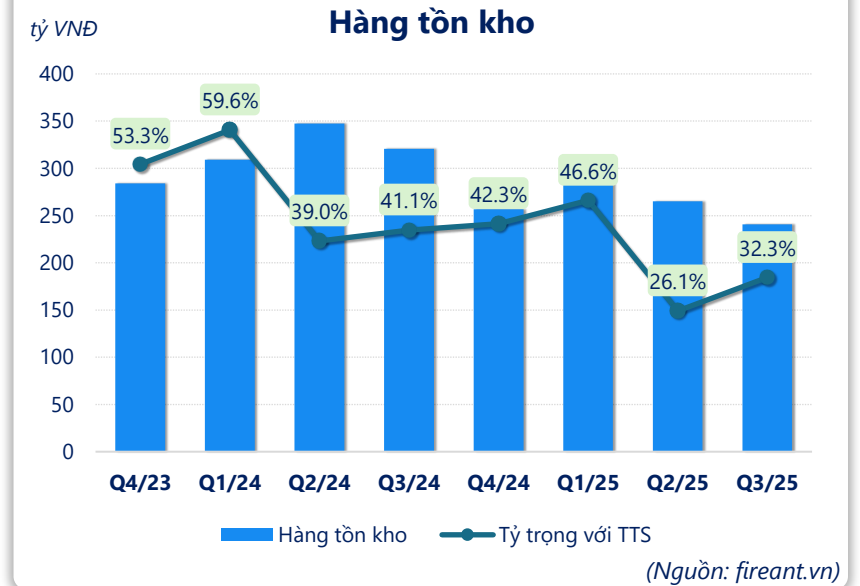
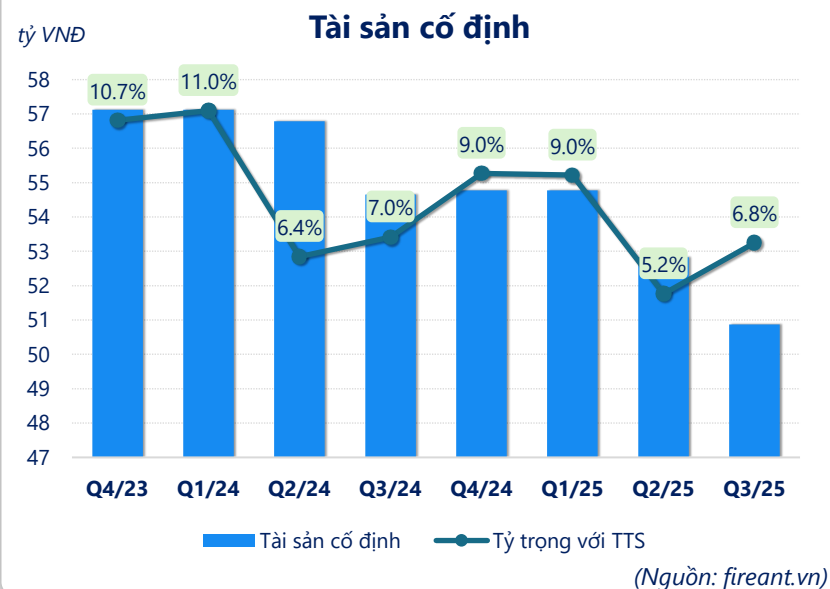
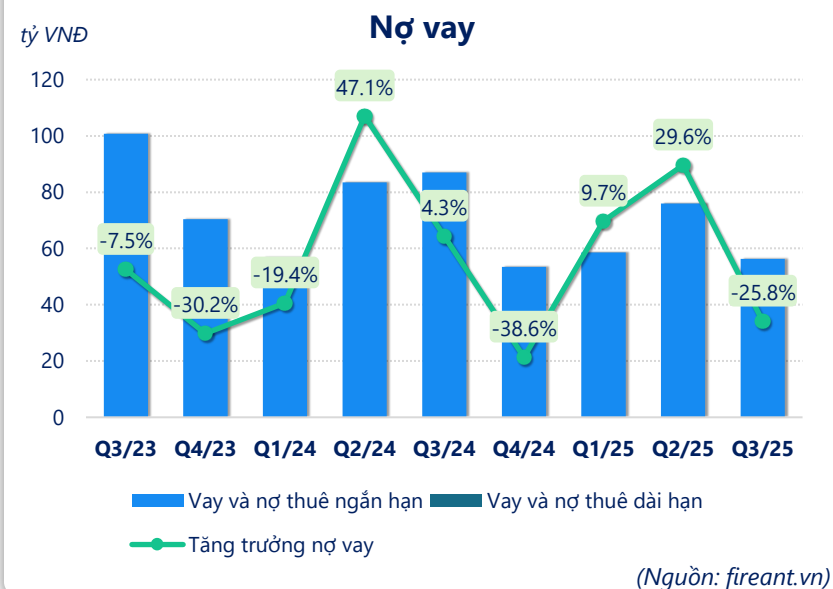
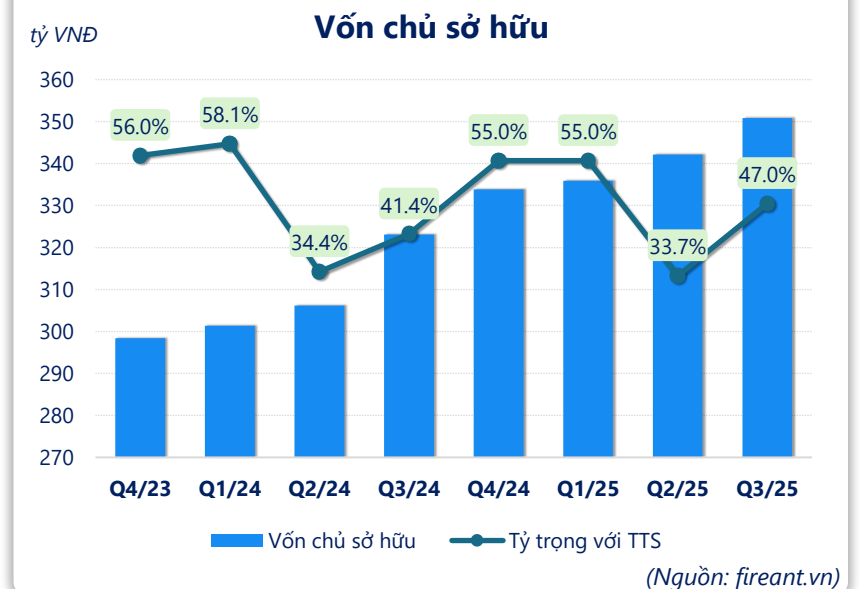
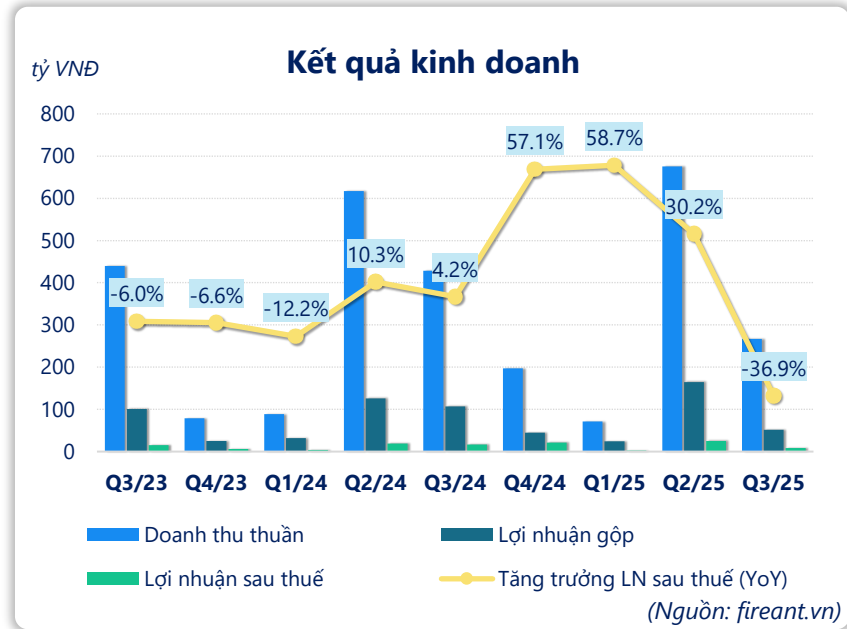
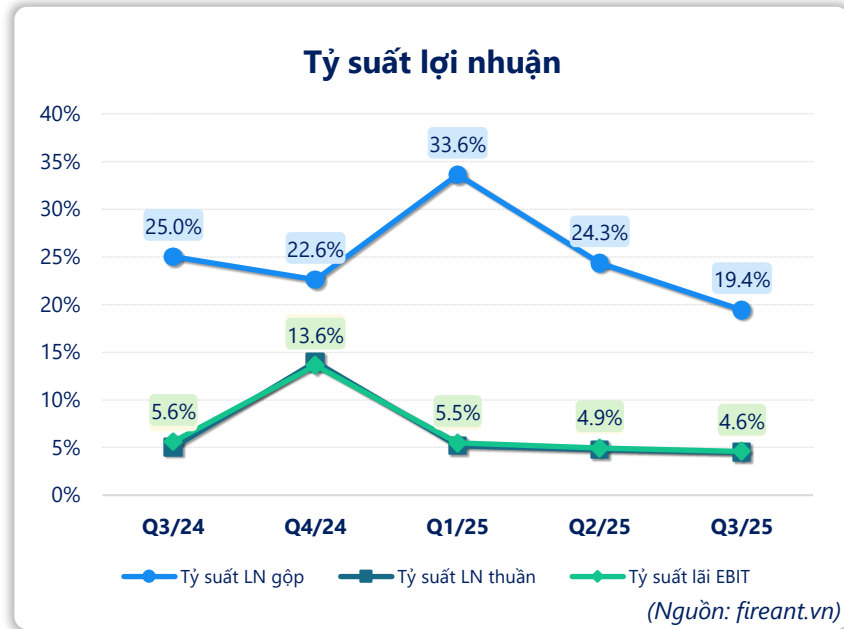
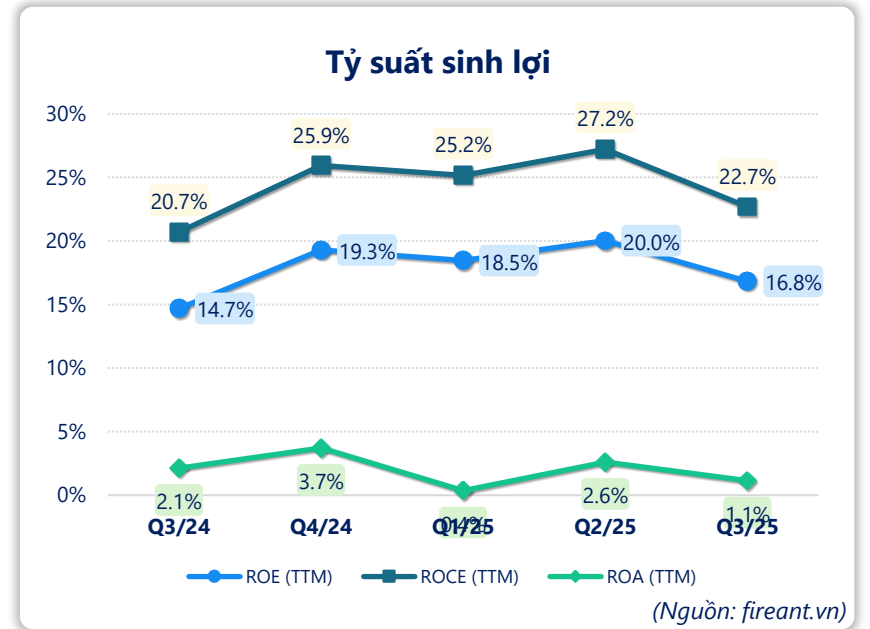
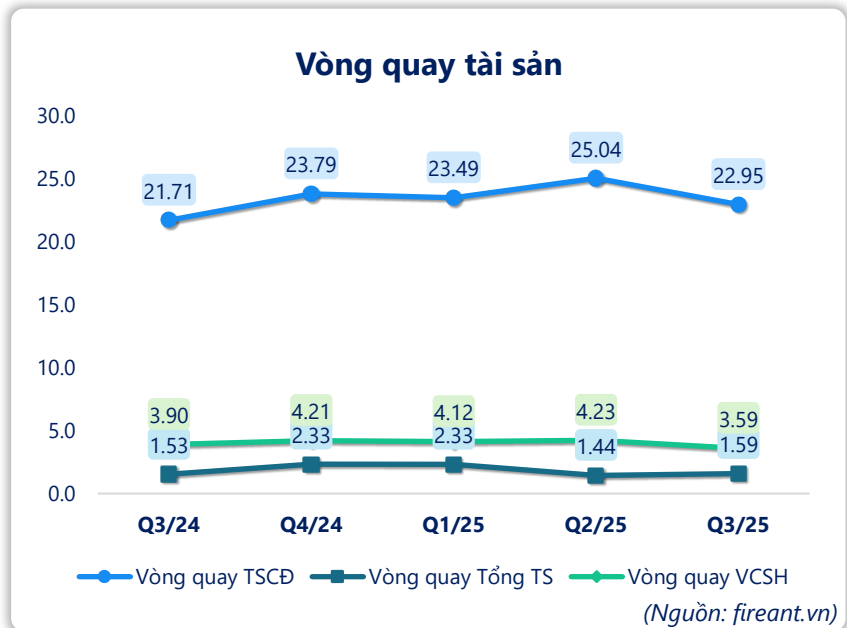
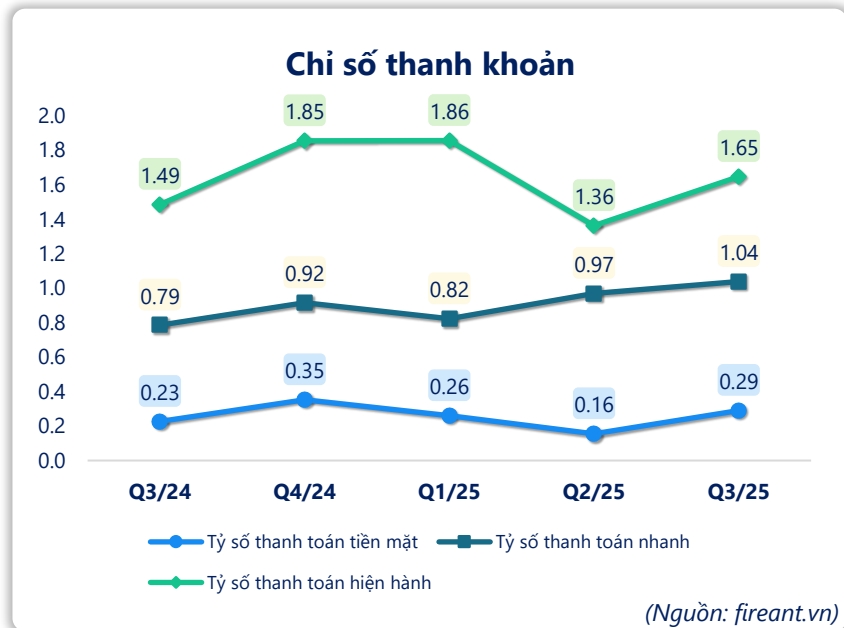
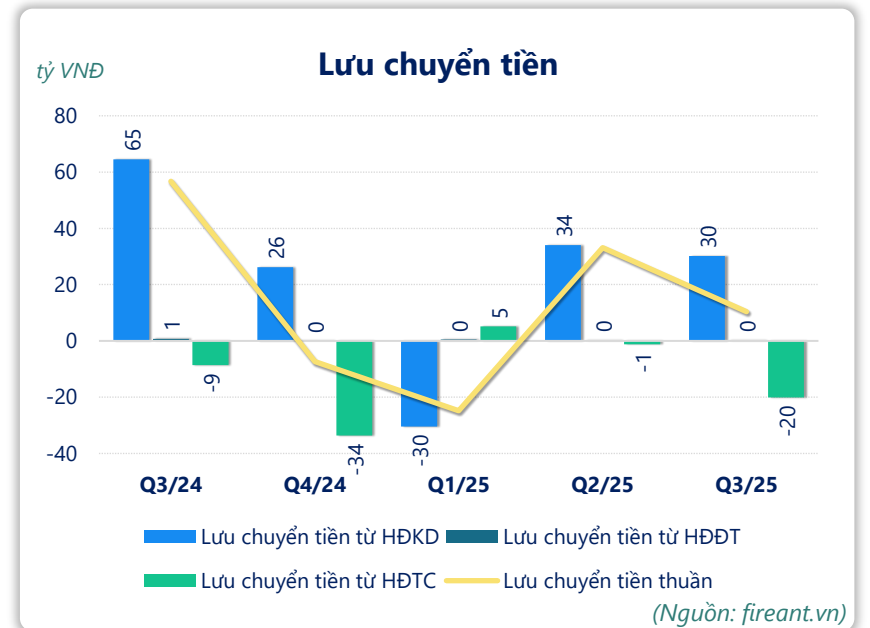


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		26,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		28,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		19,439
SL cổ phiếu LH		9,271,800
KLGD BQ 20 phiên (CP)		12,805
% sở hữu nước ngoài		5.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		241
P/E		4.3
EPS		6,117

	YTD	1T	3T	6T
SED	28.8%	-3.7%	7.0%	6.8%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	746	607	22.9%
Tài sản ngắn hạn	651	507	28.5%
Tiền và tương đương tiền	115	96.2	19.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	290	153	90.2%
Hàng tồn kho	241	257	-6.2%
Tài sản ngắn hạn khác	5.14	1.16	345%
Tài sản dài hạn	95.0	100	-5.4%
Phải thu dài hạn	22.2	22.2	0.0%
Tài sản cố định	50.9	54.8	-7.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0.77	0.77	0.0%
Tài sản dài hạn khác	21.1	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	395	273	44.7%
Nợ ngắn hạn	395	273	44.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	56.3	53.4	5.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	188	43.1	337%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	351	334	5.1%
Vốn chủ sở hữu	351	334	5.1%
Vốn điều lệ	100	100	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	429	197	71.3	675	267
Giá vốn hàng bán	321	153	47.3	511	215
Lợi nhuận gộp	107	44.6	24.0	164	51.9
Doanh thu HĐTC	0.09	4.29	0.44	0.43	0.38
Chi phí TC	3.50	-0.85	0.21	1.56	0.64
Chi phí lãi vay	2.50	-0.67	0.21	1.24	0.64
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	64.3	-6.27	13.3	103	27.1
Chi phí QLDN	17.9	28.4	7.18	27.6	12.5
LN thuần từ HĐKD	21.5	27.6	3.70	32.2	12.0
Lợi nhuận khác	-0.01	-0.05	0	-0.01	-0.35
LN trước thuế	21.5	27.5	3.70	32.2	11.6
Lợi nhuận sau thuế	16.9	21.2	2.03	24.8	8.69
LNST của CĐ cty mẹ	16.9	21.2	2.03	24.8	8.69

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	64.5	26.2	-30.4	34.0	30.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.75	0.04	0.44	0.29	0.22
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-8.57	-33.6	5.17	-1.18	-20.1
Tiền đầu kỳ	46.9	104	96.2	71.4	105
Lưu chuyển tiền thuần	56.7	-7.37	-24.8	33.2	10.3
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	104	96.2	71.4	105	115

(Nguồn: fireant.vn)